

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC

Ngành: ĐẠI SỐ VÀ LÝ THUYẾT SỐ

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 3036/QĐ-KHTN, ngày 28/12/2018)

1. Loại chương trình đào tạo:

- Chương trình nghiên cứu (dưới đây gọi là Phương thức 1)
- Chương trình định hướng nghiên cứu (dưới đây gọi là Phương thức 2)
- Chương trình định hướng ứng dụng (dưới đây gọi là Phương thức 3)

2. Khung chương trình:

a. Thời gian đào tạo:

Đối tượng người học	Số tín chỉ tốt nghiệp ở bậc đại học	Thời gian đào tạo ThS chính qui
Nhóm đối tượng 1 (NĐT 1)	≥ 150 tín chỉ	≥ 1.5 năm và ≤ 2 năm
Nhóm đối tượng 2 (NĐT 2)	≥ 135 tín chỉ	≥ 1.5 năm và ≤ 2 năm
Nhóm đối tượng 3 (NĐT 3)	≥ 120 tín chỉ	= 2 năm

Học viên được quyền đề nghị thay đổi đối tượng người học theo nguyên tắc như sau:



b. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Loại chương trình	Đối tượng	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ			
			Kiến thức chung (triết, ngoại ngữ)	Kiến thức cơ sở và CN		Luận văn
				Bắt buộc	Tự chọn	
Phương thức 1	NĐT 1	51	3	15	13	20
	NĐT 2	51	3	15	13	20
	NĐT 3*	60	3	15	22	20
Phương thức 2	NĐT 1	51	3	15	21	12
	NĐT 2	51	3	15	21	12
	NĐT 3*	60	3	15	30	12
Phương thức 3	NĐT 1	51	3	12	28	8
	NĐT 2	51	3	12	28	8
	NĐT 3*	60	3	12	37	8

(*) Những học viên thuộc NĐT 3 của cả 3 phương thức đào tạo được quyền chọn các môn tự chọn của các ngành khác trong Khoa Toán-Tin học nhưng chỉ có tối đa 9 tín chỉ được tính vào điều kiện tốt nghiệp.

c. Khung chương trình Phương thức 1 và Phương thức 2:

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
A		Phần kiến thức chung	3	3	0
1.	MTR	Triết học	3	3	0
2.	MNN	Ngoại ngữ			
B		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
B.1		Môn học bắt buộc	15		
1.	MNC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
2.	MTT001	Giải tích hàm nâng cao	4	3	1
3.	MTT006	Đại số tuyến tính nâng cao	4	3	1
4.	MTT007	Lý thuyết vành	3	2	1
5.	MTT108	Phần mềm soạn thảo LaTeX	2	1	1
B.2		Môn học tự chọn			
1.	MTT037	Lý thuyết biểu diễn nhóm hữu hạn	3	2	1
2.	MTT038	Đại số giao hoán	3	2	1
3.	MTT040	Đại số đồng điều	3	2	1
4.	MTT041	Đối đồng điều nhóm	3	2	1
5.	MTT042	Lý thuyết nhóm tuyến tính	3	2	1
6.	MTT045	Tô pô đại số	3	2	1
7.	MTT046	Mô đun và phạm trù	3	2	1
8.	MTT048	Các PI-vành và PI-đại số	3	2	1
9.	MTT049	Seminar Đại số 1	3	2	1
10.	MTT050	Seminar Đại số 2	3	2	1
11.	MTT052	Đại số đường đi Leavitt	3	2	1
12.	MTT131	Nhập môn Lý thuyết vành chia	3	2	1
		Phương thức 2, được chọn thêm các môn tự chọn sau:			
13.	MTT039	Lý thuyết trường hữu hạn	3	2	1
14.	MTT043	Nhóm Lie và đại số Lie	3	2	1
15.	MTT047	Giải tích p-adic và Lý thuyết số	3	2	1

GIA
 RƯỞ
 ĐẠI H
 HOA
 TỰ N

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
16.	MTT051	Lý thuyết đồ thị đại số	3	2	1
17.	MTT053	Đại số tính toán	3	2	1
18.	MTT054	Nhập môn Lý thuyết về sự phân bố các siêu mặt	3	2	1
C	MLV	Luận văn tốt nghiệp			
	PT 1	Luận văn + Bài báo khoa học (**)	20		
	PT 2	Luận văn	12		

() Bài báo khoa học:**

- Trước khi bảo vệ luận văn thạc sĩ học viên phải là tác giả chính (*đúng tên đầu trong nhóm tác giả*) của ít nhất 1 bài báo khoa học công bố nội dung hoặc một phần nội dung nghiên cứu của luận văn. Bài báo phải được đăng hoặc chấp nhận đăng trong các Tạp chí, Kỷ yếu khoa học được tính điểm thuộc danh mục do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước qui định.

- Bài báo phải có tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM là 1 trong các cơ quan chủ quản của học viên, cách trình bày như sau:

Ví dụ: Nguyễn Văn A ^{(1),(2)}

Tên tiếng Việt:

⁽¹⁾ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

⁽²⁾ tên tiếng Việt cơ quan chủ quản khác của học viên

Tên tiếng Anh:

⁽¹⁾ University of Science, Vietnam National University Ho Chi Minh City.

⁽²⁾ tên tiếng Anh cơ quan chủ quản khác của học viên

d. Khung chương trình Phương thức 3:

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
A		Phần kiến thức chung	3	3	0
1.	MTR	Triết học	3	3	0
2.	MNN	Ngoại ngữ			
B		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
B.1		Môn học bắt buộc	12		
1.	MTT001	Giải tích hàm nâng cao	4	3	1
2.	MTT109	Phương pháp giảng dạy	2	2	0
3.	MTT110	Các phần mềm và công cụ hỗ trợ toán học	3	2	1
4.	MTT111	Nền tảng của toán học	3	2	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
B.2		Môn học tự chọn			
1.	MTT039	Lý thuyết trường hữu hạn	3	2	1
2.	MTT056	Đại số máy tính	3	2	1
3.	MTT112	Lược sử toán học và tư duy	3	2	1
4.	MTT113	Đại số tuyến tính và Hình học sơ cấp trong mặt phẳng	3	2	1
5.	MTT114	Các số nguyên Gauss và ứng dụng trong số học cổ điển	3	2	1
6.	MTT115	Toán hữu hạn	3	2	1
7.	MTT116	Lý thuyết trường & Galois	3	2	1
8.	MTT117	Đại số hiện đại	3	2	1
9.	MTT118	Đại số sơ cấp	3	2	1
10.	MTT119	Số học và thuật toán	3	2	1
11.	MTT120	Đại số tuyến tính và ứng dụng	3	2	1
12.	MTT121	Seminar Đại số	3	2	1
13.	MTT122	Seminar Số học	3	2	1
14.	MTT123	Ứng dụng Lý thuyết nhóm trong giải toán phổ thông	3	2	1
15.	MTT124	Phép đếm nâng cao và hệ thức đệ qui	3	2	1
16.	MTT125	Tổ hợp và ứng dụng	3	2	1
17.	MTT126	Chứng minh trong toán học	3	2	1
18.	MTT127	Ứng dụng của phương trình đại số trong Hình học và Lượng giác	3	2	1
C	MLV	Luận văn	8		

CHỈ MẪU